

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 7 - 2024

*V/v tranh chấp tài sản chung
sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Hai***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Phạm Hồng Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 419/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Như Ý**, sinh năm 1990*

*Địa chỉ: **Số F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** (Có mặt tại phiên tòa)*

*- Bị đơn: Ông **Phan Ngọc L**, sinh năm 1984*

*Địa chỉ: **Số F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.** (Có mặt tại phiên tòa)*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Ngọc D***

*Địa chỉ: **Số F B đường N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.** (Vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/11/2023; bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Như Ý trình bày:

Bà và ông Phan Ngọc L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 234/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ nội dung Quyết định nêu trên về tài sản chung bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, đến nay bà và ông L vẫn chưa thỏa thuận được về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết bà Ý khai: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà tạo lập được 02 tài sản gồm:

+ Nhà và đất tại thửa đất số tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng)

+ 01 chiếc xe ô tô Hiệu Avante - Huyndai, biển kiểm soát 74A-00995, hiện nay chiếc xe đang do ông L sử dụng.

Tại phiên tòa bà Ý rút một phần yêu cầu khởi kiện, chiếc xe không phải là tài sản chung. Và đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Ngọc L trả cho bà số tiền 110 triệu đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) theo tỷ lệ mỗi người 50/50 bà được hưởng kỷ phần 50%, ông L hưởng 50%. Ông L nhận nhà đất và thối tiền cho bà.

* Bị đơn ông Phan Ngọc L trình bày:

Ông xác định vợ chồng ông thuận tình ly hôn theo Quyết định của Tòa án như bà Ý trình bày là đúng.

Nay bà Ý khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) ý kiến của ông theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm định giá là đúng, nhưng hiện nay nhà đất hạ giá, nếu tổng giá trị nhà đất 3.600.000.000 đồng thì ông xin được nhận nhà đất và thối trả ½ giá trị là 1.800.000.000 đồng cho bà Ý.

Đối với chiếc xe ô tô Hiệu Avante- Huyndai, biển kiểm soát 74A-00995 không phải là tài sản chung. Ông đồng ý theo ý kiến bà Ý, ông tự nguyện trả cho bà Ý số tiền 110 triệu đồng.

* Ý kiến bà Ý: Thống nhất giá trị nhà và đất 3,6 tỷ, ông L nhận nhà và thối trả cho bà 1,8 tỷ, ông L trả lại cho bà số tiền ông L mượn để mua xe cho ba của ông L (ông Phan Ngọc D) số tiền: 110 triệu đồng.

* **Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:**

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như Ý, ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao nhà và đất 67 Mai Anh T cho ông Phan Ngọc L được nhận và ông L thối trả cho bà Võ Thị Như Ý số tiền 1.800.000.000 đồng về chia tài sản nhà đất; ông Phan Ngọc L tự nguyện trả cho bà Võ Thị Như Ý số tiền 110.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Như Ý khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bị đơn ông Phan Ngọc L có địa chỉ cư trú tại số F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Về nội dung vụ án:

[2] Theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số: 234/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, bà Võ Thị Như Ý và ông Phan Ngọc L thuận tình ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nhà và đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà

Năng) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BK 303348 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Phạm Văn L1, bà Hoàng Thị Phương T1 ngày 26/6/2012, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc L, bà Võ Thị Như Ý ngày 10/3/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị Như Ý và ông Phan Ngọc L cùng thống nhất nhà và đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng chưa được chia trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, HĐXX xác định nhà và đất F M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của bà Võ Thị Như Ý, ông Phan Ngọc L nên yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Võ Thị Như Ý là có cơ sở và được HĐXX chấp nhận.

[4] Tại Chứng thư Thẩm định giá ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Công ty Cổ phần T2 xác định Nhà và đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) có giá 3.724.057.706 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các đương sự thống nhất điều chỉnh giá trị nhà đất 67 Mai Anh T là 3.600.000.000 đồng. Việc điều chỉnh giá trị nhà đất là phù hợp nên HĐXX ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về giá trị nhà đất.

[5] Tại phiên tòa bà Võ Thị Như Ý rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung đối với xe ô tô Hiệu Avante- Hyundai, biển kiểm soát 74A-00995. Xét việc rút yêu cầu của bà Ý là tự nguyện nên HĐXX đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của bà Ý.

[6] Tại phiên tòa, ông Phan Ngọc L và bà Võ Thị Như Ý thống nhất thỏa thuận để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

Ông Phan Ngọc L được nhận hiện vật nhà đất và thời trả cho bà Võ Thị Như Ý số tiền 1.800.000.000 đồng và số tiền 110.000.000 đồng cho bà Ý số tiền mượn để mua xe. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị Như Ý và ông Phan Ngọc L mỗi người phải chịu 66.000.000 đồng.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 21.500.000 đồng. Bà Ý, ông L mỗi người phải chịu 10.750.000 đồng. Bà Ý đã nộp và đã chi xong nên ông L phải trả cho bà Ý số tiền 10.750.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, 246, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như Ý về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với 01 xe ô tô Hiệu Avante- Huyndai, biển kiểm soát 74A-00995.

II. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công nhận nhà và đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số: BK 303348 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Phạm Văn L1, bà Hoàng Thị Phương T1 ngày 26 tháng 6 năm 2012, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc L, bà Võ Thị Như Ý ngày 10 tháng 3 năm 2016 là tài sản chung của ông Phan Ngọc L và bà Võ Thị Như Ý.

2. Giao cho ông Phan Ngọc L được quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà và đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ B2.28, diện tích 100m² tọa lạc tại Khu E Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Nay là số nhà F đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số: BK 303348 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Phạm Văn L1, bà Hoàng Thị Phương T1 ngày 26 tháng 6 năm 2012, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc L, bà Võ Thị Như Ý ngày 10 tháng 3 năm 2016 là tài sản chung của ông Phan Ngọc L và bà Võ Thị Như Ý.

Nhà đất có tứ cận như sau: Phía Tây Bắc giáp đường M; Phía Đông Nam giáp cống thoát nước; Phía Đông Bắc giáp nhà đất 65 Mai Anh T; Phía Tây Nam giáp nhà đất 69 Mai Anh T.

Ông Phan Ngọc L được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thôi trả: Ông Phan Ngọc L phải có nghĩa vụ thôi trả cho bà Võ Thị Như Ý số tiền 1.910.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm mười triệu đồng).

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung của vợ chồng ông Phan Ngọc L, bà Võ Thị Như Ý mỗi người phải chịu 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Bà Võ Thị Như Ý đã nộp tạm ứng án phí số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0002772 ngày 22/11/2023 nên bà Võ Thị Như Ý còn tiếp tục nộp số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)

5. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 21.500.000 đồng. Bà Ý, ông **L** mỗi người phải chịu 10.750.000 đồng. Bà Ý đã nộp và đã chi xong nên ông **L** phải trả cho bà Ý số tiền 10.750.000 đồng (*Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Như Ý, ông **Phan Ngọc L** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Đức Mai Văn Du

Trương Thị Hai

